

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS-ST

Ngày: 19-7-2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

2/ Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2016/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2016, về việc tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị A: Anh B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 20/10/2016.

Bị đơn:

Chị C, sinh năm 1977.

Anh D, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2016 nguyên đơn Chị A đã nộp, các tài liệu, chứng cứ cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh B người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Anh B là người đại diện theo ủy quyền cho Chị A trong vụ án và có toàn quyền quyết định toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo Anh B biết giữa chị A với vợ chồng chị C, anh D có mối quan hệ làm ăn với nhau về việc thu mua củ tràm. Chị A là chủ Doanh nghiệp tư nhân E và Giám đốc công ty TNHH Một thành viên E, địa chỉ trụ sở tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An. Do tin tưởng chị C, anh D nên ngày 14/6/2014, chị A có cho vợ chồng chị C, anh D vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng, thời hạn thanh toán nợ là 01 tháng. Hai bên không làm giấy nợ. Nhưng đến hạn thanh toán, chị C, anh D không có khả năng trả nợ nên gia hạn thêm 02 tháng và có trả lãi đầy đủ số tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Chị A đã nhiều lần yêu cầu chị C, anh D phải thanh toán số nợ trên nhưng anh D, chị C không thanh toán. Ngày 05/8/2016, chị A có làm đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân xã N và chị C, anh D xác nhận có nợ số tiền nêu trên nhưng không đồng ý thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh B yêu cầu vợ chồng chị C, anh D có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi suất của số tiền này. Ngoài ra, Anh B không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu chứng cứ chị A cung cấp cho Tòa án gồm: Biên bản hoà giải của UBND xã N ngày 05/8/2016 (Bản sao); Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị C, Anh D trình bày như sau:

Vợ chồng chị C, anh D với Chị A có mối quan hệ làm ăn với nhau từ năm 2011. Chị A là chủ DNTN E và Giám đốc công ty TNHH Một thành viên E, địa chỉ trụ sở tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An. Công ty của chị A có nhu cầu thu mua củ các loại nên vợ chồng anh, chị có thỏa thuận cung cấp củ cho chị A. Khi làm ăn với nhau, thì hai bên không có lập bất kỳ văn bản thể hiện việc mua bán củ. Do có sự tin tưởng lẫn nhau nên chiều ngày 14/6/2014, chị C có vay của chị A số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán là 01 tháng. Hai bên không làm giấy nợ. Nhưng đến hạn thanh toán, thì chị C không có khả năng trả nợ nên gia hạn thêm 02 tháng và có trả lãi đầy đủ số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Chị C dự định trả số tiền này cho chị A nhưng giữa chị và chị A có thỏa thuận tiếp như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2014, chị A thông báo cho vợ chồng anh, chị đã mua khoảng 68 mẫu củ tràm của công ty Long Vũ nên đề nghị thuê nhân công để đốn củ tràm nên chị C, anh D đã thuê tổng cộng 70 nhân công để chuẩn bị đốn củ tràm theo yêu cầu của chị A. Tiền thuê đốn củ tràm mỗi một mẫu là 22.000.000 đồng, đã ứng 03 lần tiền (Lần I: 35.000.000 đ; Lần II: 35.000.000 đ; Lần III: 3.000.000 đ) cho những nhân công nêu trên. Sau khi thuê nhân công và ứng tiền xong, thì chị A báo lại là không mua củ tràm của công ty Long Vũ nữa, không đồng ý hoàn trả số tiền ứng công nhân tổng cộng là 73.000.000 đồng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị A, thì vợ chồng anh, chị xác nhận nợ chị A số tiền 100.000.000 đồng nhưng không đồng ý thanh toán số nêu trên trong thời hạn 01 tháng và chỉ đồng ý thanh toán khi nào chị A thanh toán cho vợ chồng anh, chị số tiền 173.600.000 đồng để cân trừ số tiền còn nợ nêu trên mà vợ chồng anh chị đã có đơn khởi kiện đã được Tòa án thụ lý giải quyết. Chị C, anh D cũng không yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi mà chị A đã nhận 15.000.000 đồng. Ngoài ra, anh chị không còn trình bày hay yêu cầu nào khác.

Anh B, Chị C, Anh D xác định: Ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không còn yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Đồng thời, xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập ai hoặc đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan, nên hình thức tố tụng Viện kiểm sát thấy đủ điều kiện và hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng qui định pháp luật cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị A khởi kiện yêu cầu vợ chồng Chị C, Anh D có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền vay. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Long An.

[2] Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chị C, anh D liên đới toán số tiền vốn vay còn nợ. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng xác định Chị C, Anh D là đồng bị đơn trong vụ án.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Căn cứ vào biên bản hoà giải của UBND xã N lập ngày 05/8/2016 và theo xác nhận của bị đơn, thì chị A có cho chị C, anh D vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, lãi suất 5%/tháng. Chị A đã nhận được 03 tháng tiền lãi. Chị C, anh D cũng thừa nhận nội dung này. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định lời trình bày của các đương sự là có thật, không phải chứng minh trong vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về thời gian và phương thức thanh toán nên Tòa án không tiến hành lập biên bản hoà giải thành.

[4] Chị C, anh D yêu cầu chị A phải thanh toán cho vợ chồng anh, chị số tiền còn nợ là 173.600.000 đồng và căn trừ số tiền vay 100.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Theo đơn khởi kiện của chị A yêu cầu chị C, anh D phải thanh toán số tiền vay còn nợ, Tòa đã tiến hành thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Chị C, anh D lại có đơn khởi kiện Doanh nghiệp tư nhân E do Chị A làm chủ doanh nghiệp phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua củ tràm, mua củi còn nợ và tiền ứng thuê công nhân đốn củi tràm, Tòa án đã thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “Đòi tài sản”; Bị đơn Chị A là chủ doanh nghiệp tư nhân E. Xét thấy, hai yêu cầu của đương sự có hai quan hệ tranh chấp khác nhau và tư cách đương sự

trong vụ án cũng không giống nhau nên căn cứ Khoản 1 Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không thể nhập hai yêu cầu này trong cùng một vụ án để xem xét và cản trừ nghĩa vụ thanh toán như lời trình bày và yêu cầu của chị C, anh D. Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, xét lời trình bày của Kiểm sát viên và yêu cầu đòi nợ của chị A là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc Chị C, Anh D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Chị A số tiền còn nợ 100.000.000 đồng. Yêu cầu cản trừ số tiền vay còn nợ của chị C, anh D không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của anh B người đại diện theo uỷ quyền cho chị A không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay còn nợ và sự tự nguyện của chị C, anh D không yêu cầu xem xét số tiền lãi suất là 15.000.000 đồng đã thanh toán cho Chị A.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. Buộc Chị C, Anh D liên đới phải chịu 100.000.000 đồng X 5% = 5.000.000 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Chị A theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 42; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị A đối với bị đơn Chị C, Anh D về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Chị C, Anh D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Chị A số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Huỳnh Ngọc Nhanh có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng Chị C, Anh D còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị C, Anh D có nghĩa vụ liên đới phải chịu 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Chị A là 2.500.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04657 ngày 31/10/2016 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**